TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN LỨC** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 120/2023/DS-ST
Ngày: 25-12-2023
V/v Tranh chấp Hợp đồng
sử dụng thẻ tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LỨC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thuận

2. Bà Võ Thị Luynh Thuy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 428/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2023/QĐST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S T

Địa chỉ trụ sở: Lầu 8; 266-268 N, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T – Chuyên viên khách hàng cá nhân Chi nhánh Long An - Phòng giao dịch B.

Địa chỉ liên hệ: 18A N, Khu phố 3, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An.

(Văn bản ủy quyền ngày 27/9/2023)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phước N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Ấp 1, xã B, huyện B, tỉnh Long An.

(Ông T có đơn xin vắng mặt, ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 27/9/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S T do ông Nguyễn Minh T là người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng trình bày:

Ngày 06/7/2022, ông Nguyễn Phước N có ký kết với Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (gọi tắt là Ngân hàng) Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Căn cứ thu nhập của ông N, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 65.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất thẻ: 2,6%/tháng. Phương thức thanh toán: Chủ thẻ sẽ chịu trách nhiệm thanh toán tổng số tiền đến hạn hoặc trước ngày đến hạn như được nêu trong thông báo hàng tháng. Tuy nhiên, chủ thẻ sẽ có quyền chọn lựa thanh toán tổng số tiền đến hạn, số tiền tối thiểu hoặc một khoản tiền trong khoảng giữa của tổng số tiền đến hạn và số tiền tối thiểu để thanh toán cho đơn vị phát hành thẻ.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông N đã không thanh toán nợ đúng hạn cho Ngân hàng. Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông N vẫn không có thiện chí trả nợ, vi phạm nghĩa vụ thanh toán (theo Điều 20 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Do đó, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Điều khoản).

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 26/9/2023 là 38.517.360 đồng, trong đó: Nợ gốc là: 32.413.200 đồng, nợ lãi là: 6.104.160 đồng. Ngoài ra, ông N còn phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 27/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Phước N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông N luôn vắng mặt không lý do và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án, không có yêu cầu phản tố cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần S T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Phước N phải thanh toán số nợ do sử dụng thẻ tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/7/2022, nên Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là "Tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng", ông N có địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã B, tỉnh Long An, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1

Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B.

[1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, riêng bị đơn ông Nguyễn Phước N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Xét Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng ngày 06/7/2022 giữa Ngân hàng và ông Nguyễn Phước N được ký kết trên cơ sở tự nguyện, có nội dung phù hợp pháp luật và là cơ sở để giải quyết về quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu ông N phải thanh toán số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 26/9/2023 là 38.517.360 đồng, thấy rằng: Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 20 của Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng. Do đó, Ngân hàng chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định tại Điều 24 của Điều khoản. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông N vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án hoặc văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện và chứng cứ do Ngân hàng đưa ra. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc ông N có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng số nợ tính đến ngày 26/9/2023 là 38.517.360 đồng.

[2.3] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc ông N phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày 27/9/2023 theo thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, yêu cầu của nguyên đơn áp dụng tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng từ ngày 27/9/2023 cho đến khi thanh toán xong hết nợ là đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Do toàn bộ yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 1.925.868 đồng. Ngân hàng được hoàn trả tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 các Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 3, Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1, 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019.

Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S T về việc *"Tranh chấp Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng"* đối với ông Nguyễn Phước N.

2. Buộc ông Nguyễn Phước N có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S T số tiền gốc và lãi tính đến ngày 26/9/2023 là 38.517.360 đồng *(Ba mươi tám triệu, năm trăm mười bảy nghìn, ba trăm sáu mươi đồng)*, trong đó nợ gốc là: 32.413.200 đồng, nợ lãi là: 6.104.160 đồng.

Kể từ ngày 27/9/2023 cho đến khi thực hiện xong toàn bộ nghĩa vụ thanh toán, ông Nguyễn Phước N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng; Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 06/7/2022 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Phước N phải chịu 1.925.868 đồng. Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S T 962.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp là theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010389 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Long An.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Thiên Trang